|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND*

*ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông suối, kênh, rạch, hồ chứa và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3. Chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước như sau:

1. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng sau đây:

a) Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước.

b) Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

c) Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước.

d) Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.

2. Chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này được xác định cho toàn bộ hành lang hoặc từng đoạn của hành lang theo yêu cầu bảo vệ nguồn nước.

3. Chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước được thể hiện trong Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước và là căn cứ để xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý hành lang bảo vệ nguồn**

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước như sau:

1. Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ nguồn nước được thể hiện trên bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bản đồ chồng ghép phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên nền bản đồ địa chính của 170 phường, xã, thị trấn trong tỉnh Đồng Nai.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác phải bảo đảm việc duy trì, phát triển các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt.

4. Việc lập hành lang bảo vệ nguồn nước phải đảm bảo công khai, dân chủ.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH PHẠM VI VÀ QUẢN LÝ HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC**

**Điều 5. Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước**

1. Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch (Phụ lục 1 đến Phụ lục 11 kèm theo).

2. Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ tự nhiên và hồ chứa thủy lợi (Phụ lục 12 kèm theo).

**Điều 6. Cắm mốc và kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước**

1. Việc cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện đối với các đoạn sông, suối, kênh, rạch chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề hoặc được quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề; hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và tuân thủ Điều 12, Điều 13 của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi do chủ hồ hoặc tổ chức quản lý hồ chứa chịu trách nhiệm.

3. Kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối trên địa bản tỉnh Đồng Nai được ngân sách nhà nước đảm bảo, bao gồm ngân sách địa phương, hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và được bổ sung từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Các hành vi bị cấm trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước**

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước như sau:

1. Các hành vi gây đe dọa, làm suy giảm chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước; gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh rạch, hồ chứa.

2. Lấn chiếm, sử dụng trái phép đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; sử dụng đất không đúng mục đích đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có nước thải nguy hại.

**Điều 8. Yêu cầu đối với các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước**

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước như sau:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Không gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

b) Không làm ảnh hưởng đến các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.

d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước cụ thể như sau:

a) Xây dựng kho bãi, bến, cảng, cầu, đường giao thông, các công trình ngầm và công trình kết cấu hạ tầng khác.

b) San, lấp, kè bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo, trừ trường hợp xây dựng công trình cấp bách phục vụ phòng, chống, khắc phục thiên tai.

c) Khoan, đào phục vụ hoạt động điều tra, khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý nền móng công trình, tháo khô mỏ.

d) Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức công bố quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ; Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch, phương án cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (ưu tiên cho thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch và huyện Vĩnh Cửu).

b) Lưu giữ hồ sơ hành lang và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Quy định này.

d) Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

e) Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ nguồn nước trong các trường hợp cần thiết theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Quy định này.

**Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, phương án và nguồn kinh phí cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hàng năm trên địa bàn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phối hợp với tổ chức, cá nhân vận hành hồ chứa trong việc xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa nước trên địa bàn và phối hợp thực hiện cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt.

3. Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn; cập nhật quy hoạch của địa phương và bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để quản lý, bảo vệ. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ trên địa bàn.

4. Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cắm mốc giới trên thực địa và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

6. Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng.

**Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa theo phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Quy định này. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

3. Tuyên truyền, phổ biến về quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

**Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Quy định này.

**Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có nước thải nguy hại đang hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước không được mở rộng quy mô và phải có biện pháp kiểm soát, giám sát chặt chẽ chất lượng nước thải, chất thải trước khi thải ra đất, nguồn nước.

2. Đối với cơ sở đang hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước mà gây ô nhiễm nguồn nước phải có giải pháp để khắc phục trong thời hạn 05 năm kể từ khi Quy định này có hiệu lực. Trường hợp cơ sở không khắc phục được tình trạng gây ô nhiễm thì Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với trường hợp cơ sở hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước nội tỉnh), Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp cơ sở hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia) trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đình chỉ hoạt động hoặc di dời.

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

Các cơ quan, đơn vị và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung của Quy định này; kịp thời phản ánh những nội dung khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.